

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ

Lâm Thị Kho*

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày nhận bài 16/8/2021; ngày chuyển phản biện 20/8/2021; ngày nhận phản biện 19/9/2021; ngày chấp nhận đăng 23/9/2021

Tóm tắt:

Bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã và đang đặt ra những thời cơ và thách thức mới đối với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (NNL), trong đó có NNL các dân tộc thiểu số (DTTS). Nâng cao chất lượng NNL các DTTS ở Tây Nam Bộ không chỉ nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung mà còn có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc và bảo vệ an ninh quốc gia.

Từ khóa: dân tộc thiểu số, nguồn nhân lực, Tây Nam Bộ.

Chỉ số phân loại: 5.6

Enhancing the quality of human resources of ethnic minorities to meet the need for the sustainable development of the Southwest region

Thi Kho Lam*

Academy of Politics Region IV

Received 16 August 2021; accepted 23 September 2021

Abstract:

The context of increasingly deepening international integration has been posing new challenges for the improvement of the quality of human resources, including human resources of ethnic minorities. Enhancing the quality of human resources of ethnic minorities in the Southwest region aims at obtaining the sustainable development goal in the Southwest region in particular and the whole country in general. Moreover, it plays a vital role in performing the strategy for great national unity and national security protection.

Keywords: ethnic minority, human resources, the Southwest region.

Classification number: 5.6

Mở đầu

Tây Nam Bộ hay còn gọi là Đồng bằng sông Cửu Long có tổng dân số hơn 17,7 triệu người, trong đó người DTTS là hơn 1,4 triệu (chiếm tỷ lệ 7,9%). Trong số 23 DTTS, 3 dân tộc: Khmer, Hoa và Chăm có dân số đông nhất. Tây Nam Bộ cũng là nơi có người Khmer sinh sống nhiều nhất so với cả nước, chủ yếu tập trung ở hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh. Cùng với người Kinh, cộng đồng DTTS đã có những đóng góp nhất định đối với quá trình xây dựng, phát triển vùng đất Tây Nam Bộ. NNL các DTTS vừa là lực lượng lao động đại diện cho trí tuệ của cộng đồng DTTS, góp phần nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa là lực lượng nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung, việc nâng cao chất lượng NNL, trong đó có bộ phận nhân lực các DTTS là yêu cầu khách quan trong tình hình hiện nay. Bởi vì, ngày nay sự phát triển của mỗi quốc gia không còn chủ yếu dựa vào những nguồn lực sẵn có (như tài nguyên thiên nhiên, nguồn vốn hay các yếu tố khác) mà là yếu tố chất lượng của NNL. NNL có chất lượng thật sự là nguồn tài nguyên của mọi tài nguyên, yếu tố thúc đẩy khai thác các nguồn lực khác hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định một trong ba đột phá chiến lược nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững đó là: “Phát triển NNL, nhất là NNL chất lượng cao, ưu tiên NNL cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ người tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ” [1].

Không chỉ là vùng kinh tế trọng điểm, Tây Nam Bộ còn có

*Email: lamthikho2013@gmail.com

vị trí chiến lược quan trọng trong bảo vệ an ninh - quốc phòng, cho nên cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn về chính trị. Đây cũng là khu vực có đường biên giới giáp với đất nước Campuchia, nơi có nhiều DTTS sinh sống, nhiều tôn giáo cùng hoạt động, đặc biệt là điều kiện kinh tế ở khu vực này còn rất khó khăn. Do đó, các thế lực phản động cũng lợi dụng vấn đề dân tộc gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Trong quá khứ, đã từng xảy ra nhiều sự việc liên quan đến cộng đồng DTTS, trong đó sự yếu kém về kinh tế, lạc hậu về khoa học đã tạo điều kiện cho các thế lực phản động lợi dụng đồng bào để chống phá đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Nâng cao chất lượng NNL các DTTS không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh sản xuất, cải thiện chất lượng cuộc sống đồng bào DTTS mà còn có ý nghĩa chính trị đặc biệt, góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung. Với những ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu lý thuyết với thực tiễn; giữa phương pháp phân tích dự báo với đề xuất chính sách, bài viết tập trung phân tích thực trạng chất lượng NNL các DTTS, đồng thời đề xuất các giải pháp đặc thù góp phần nâng cao chất lượng NNL này ở Tây Nam Bộ.

Thực trạng chất lượng NNL các DTTS vùng Tây Nam Bộ

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển vùng Tây Nam Bộ nói chung, NNL nói riêng như: Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu... Quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã đạt được những thành tựu nhất định về nâng cao chất lượng NNL vùng Tây Nam Bộ nói chung, chất lượng NNL các DTTS nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng NNL vẫn còn những bất cập. Trong đó, việc nâng cao chất lượng NNL các DTTS ở Tây Nam Bộ đang đứng trước những khó khăn, thách thức lớn. Năm 2020, lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo ở Tây Nam Bộ (chiếm 14,9%) có tỷ lệ thấp nhất so với cả nước. Nếu so sánh với các vùng kinh tế trọng điểm khác như Đồng bằng sông Hồng (32,6%), Bắc Trung Bộ (22,7%) và Đông Nam Bộ (29,5%) thì tỷ lệ này có sự chênh lệch lớn. Tỷ lệ thất nghiệp của người lao động trong độ tuổi lao động ở Tây Nam Bộ là 2,82%, trong đó người lao động thất nghiệp là nữ giới cao hơn nam giới, lần lượt là 4,03 và 1,98% [2]. Trong bối cảnh chung đó, lao động người DTTS chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao, gây khó khăn trong giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng DTTS. Theo thống kê, tỷ lệ thất nghiệp người DTTS của cả nước là 1,40%, trong đó Tây Nam Bộ có tỷ lệ người DTTS thất nghiệp là 2,22% (cao nhất nước) [3].

NNL các DTTS ở Tây Nam Bộ phân bố không đều giữa các

ngành nghề, chủ yếu tập trung ở các ngành nông, lâm, thủy sản (chiếm 73,3%); các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là 14,8 và 11,9%). Lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy hải sản chủ yếu gồm hai dân tộc người Khmer (42,7%) và Chăm (49,7%) [3]. Nhu cầu phát triển vùng Tây Nam Bộ hiện nay rất cần NNL có chuyên ngành đào tạo thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật - công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ... Với một số vị trí việc làm rất cần người DTTS nhưng thực tế nhiều địa phương không tuyển dụng được do chuyên môn được đào tạo không phù hợp hoặc có trường hợp người lao động có chuyên môn đúng theo yêu cầu thì không phải là người DTTS. Sự bất cập trong cơ cấu ngành nghề đã dẫn đến tình trạng có nơi thừa, có nơi thiếu nguồn lao động ở Tây Nam Bộ hiện nay. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu NNL chưa phù hợp, hệ quả là có trường hợp người lao động đã qua đào tạo vẫn không bố trí được việc làm. Nhu cầu bố trí việc làm đối với sinh viên người DTTS sau khi ra trường không được đáp ứng.

Chất lượng NNL nói chung bị quy định bởi nhiều yếu tố: thể lực, trí lực, trình độ chuyên môn tay nghề, phẩm chất, năng lực sáng tạo, năng suất lao động, khả năng phối hợp, các kỹ năng khác... Trong đó, yếu tố quyết định đến chất lượng của NNL chính là trình độ tri thức, chuyên môn nghiệp vụ và khả năng sáng tạo.

Trên thực tế, trình độ học vấn của NNL các DTTS ở Tây Nam Bộ còn khá thấp so với mặt bằng chung, chưa đáp ứng được yêu cầu của các địa phương trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2019, số giáo viên có trình độ đại học đang làm việc tại các trường vùng DTTS Tây Nam Bộ đạt 76,8%. Tuy nhiên, nguồn lực giáo viên có trình độ trên đại học đang làm việc ở các trường vùng DTTS Tây Nam Bộ có tỷ lệ thấp (1,5%). So với các vùng khác, tỷ lệ tương ứng là: Tây Nguyên 2,1%; Đông Nam Bộ 2,5%; Đồng bằng sông Hồng 3,2%; Trung du và miền núi phía Bắc 1,9 [3]. Tây Nam Bộ có 9 tỉnh/thành phố có trường phổ thông dân tộc nội trú, với 34 trường và 9.634 học sinh DTTS, số giáo viên DTTS trong toàn vùng có 9.640 người, trong đó số giáo viên ở cấp trung học phổ thông chiếm 10,6% [4]. Học sinh DTTS được cử đi học dự bị đại học mỗi năm khoảng 1.000 người. Đây là nguồn lực lao động được đào tạo sẽ bổ sung cho NNL các DTTS trong thời gian tới. Tuy nhiên, so với tổng số dân người DTTS trên địa bàn thì nguồn lao động người DTTS đã qua đào tạo là chưa tương xứng, chưa đáp ứng yêu cầu của các địa phương.

Về trình độ chuyên môn, NNL các DTTS có trình độ chuyên môn cao chưa tương xứng với số dân người DTTS trên địa bàn. Đến nay, toàn vùng có 7 tiến sỹ người DTTS (chủ yếu là người Khmer, trong đó: Cần Thơ 4, An Giang 1 và Sóc Trăng 2); 336 thạc sỹ; hơn 6.150 người có trình độ đại học [4]. Phần lớn các tiến sỹ người DTTS đều có chuyên môn thuộc lĩnh vực tôn giáo và giáo dục. Trong khi đó, để có thể phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS ở Tây Nam Bộ hiện nay rất cần xây dựng được đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao thuộc các ngành khoa học, công nghệ, kinh tế, dịch vụ...

Về công tác đào tạo, hiện nay, toàn vùng có hơn 45 trường cao đẳng, đại học, hơn 30 trường trung cấp chuyên nghiệp được xây dựng nhằm thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nâng cao chất lượng NNL cho vùng. Có thể thấy, vùng Tây Nam Bộ không thiếu các cơ sở đào tạo NNL nhưng thực trạng thiếu NNL chất lượng cao, kể cả nhân lực đã qua đào tạo đang trở nên phổ biến. Điều này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, song cơ bản có thể dẫn giải một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một trong những vấn đề hiện nay đó là nhận thức của một bộ phận người dân và chính cộng đồng DTTS về vị trí, vai trò của việc nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương còn hạn chế. Những rào cản về nhận thức của đồng bào DTTS vẫn đang ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao chất lượng NNL. Trong xã hội vẫn còn tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”, chưa coi trọng sự học. Ngoài ra, trong xã hội vẫn còn tồn tại tâm lý tiểu nông, lấy kinh tế nông nghiệp làm thước đo, lấy các quan hệ họ hàng, làng xóm làm chuẩn mực ứng xử, dẫn đến nhiều trẻ em DTTS không được khuyến khích học tập, nâng cao trình độ.

Những ảnh hưởng của văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào DTTS ở đây cũng tạo rào cản nhất định đối với việc nâng cao chất lượng NNL. Cụ thể, đối với người Khmer Tây Nam Bộ, nam giới khi còn nhỏ sẽ được gửi vào chùa để học tập và tu cho nên khi tiếp xúc với môi trường bên ngoài thiếu sự năng động hơn so với các bạn cùng trang lứa; với cộng đồng người Hoa, vẫn còn tồn tại tâm lý mong muốn con cái của họ làm kinh tế theo nghề truyền thống của gia đình, chưa chú trọng việc học.

Ngoài ra, giữa đào tạo và sử dụng hiệu quả NNL các DTTS ở Tây Nam Bộ còn thiếu sự gắn kết. Chương trình đào tạo, phát triển NNL ở các cơ sở giáo dục đào tạo còn chưa bám sát nhu cầu của đơn vị sử dụng nhân lực. Khái niệm “đào tạo theo nhu cầu thực tế” chưa sát và chưa đủ chi tiết ở các cơ sở đào tạo. Hiện nay, việc bố trí, sử dụng NNL các DTTS có trình độ chuyên môn không đúng ngành, nghề được đào tạo gây lãng phí cho bản thân người lao động, gia đình của họ và xã hội. Đây là một trong những vấn đề cấp bách cần được nghiên cứu, tháo gỡ. Bởi vì, sử dụng hiệu quả NNL cũng là cách để người lao động tự nâng mình, tự nâng cao trình độ, tự vượt lên để trở thành người lao động tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của xã hội và thời đại.

Việc ban hành và thực thi các chính sách về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các DTTS ở từng địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Chính sách của Đảng, Nhà nước đối với việc nâng cao chất lượng NNL là đúng đắn, khoa học nhưng đi vào thực hiện các chính sách thì có nơi chưa thật phù hợp, việc triển khai chậm các chính sách cũng ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện, hoặc có chính sách đưa vào thực hiện đã biểu hiện sự không phù hợp. Nguyên nhân là do chính sách được ban hành ở một thời điểm nhất định nhưng khi thực hiện thì thực tiễn đã có sự thay đổi. Mặt khác, chế độ tiền lương, chế độ ưu tiên, đãi ngộ đối với người DTTS vẫn chưa tạo được động lực để họ phấn đấu học tập, nâng cao trình độ. Ở chừng mực nhất định, một bộ phận người DTTS vẫn còn tâm lý tự ti, ngại đổi mới, ngại

thay đổi, dẫn đến những hạn chế trong việc nâng cao năng lực và phát huy những tiềm năng của cá nhân.

Giải pháp phát triển NNL các DTTS

Trước yêu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng NNL các DTTS, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về sự cần thiết nâng cao chất lượng NNL các DTTS trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ. Cấp ủy, chính quyền các cấp vùng Tây Nam Bộ tiếp tục quán triệt trong toàn hệ thống chính trị, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp về ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng NNL đối với sự phát triển vùng DTTS. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo, nâng cao chất lượng NNL trong đồng bào DTTS. Nâng cao nhận thức cho đồng bào về vai trò của học vấn đối với việc tiếp cận công nghệ mới, khả năng tiếp cận các dịch vụ, nâng cao sức sản xuất, cải thiện đời sống nhằm giảm nghèo bền vững.

Khuyến khích và khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân người DTTS có các sáng kiến, sáng chế đóng góp cho sự phát triển của địa phương. Những việc làm này không chỉ động viên những người làm công tác khoa học có thêm động lực để phấn đấu mà còn có sức lan tỏa tích cực trong cộng đồng DTTS. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của mỗi người dân về sự cần thiết nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn. Mỗi người cần chuẩn bị một số yếu tố tâm lý bao gồm: năng lực tự giáo dục (mỗi người cần làm tất cả những gì có thể để nâng cao trình độ tri thức, kỹ năng); năng lực về sự linh hoạt (mỗi người phải nắm bắt và thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của thời đại); năng lực về sự tự chủ (mỗi người cần tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với hiệu quả, kết quả sản xuất).

Hai là, quy hoạch tạo nguồn, đào tạo đi đôi với sử dụng hiệu quả NNL các DTTS. Tạo nguồn cho phát triển NNL chất lượng cao, trước hết đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường dân tộc nội trú; hỗ trợ điều kiện kinh tế cho học sinh DTTS ở vùng sâu, vùng xa, giúp hạn chế tình trạng nghỉ học sớm. Mục tiêu đào tạo phải gắn kết với yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nam Bộ. Có như vậy mới hạn chế tình trạng đào tạo lại đối với một bộ phận lao động sau khi được tuyển dụng, giúp tiết kiệm thời gian, công sức, tiền của.

Đặc biệt, cần chú trọng công tác hướng nghiệp, nhất là hướng nghiệp trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, khuyến khích các hoạt động hướng nghiệp của các trường đại học lớn đến với các trường phổ thông dân tộc nội trú. Làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh sẽ giúp các học sinh DTTS lựa chọn đúng ngành nghề theo yêu cầu của xã hội và phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân, giúp phát huy hiệu quả của giáo dục, khắc phục tình trạng mất cân đối về ngành nghề như hiện nay.

Xã hội hóa các dự án cho phát triển NNL vùng DTTS. Tăng mức đầu tư từ ngân sách cho đào tạo nghề; từng bước mở rộng

mô hình gắn cơ sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động, đào tạo lao động theo địa chỉ, đơn đặt hàng của nhà tuyển dụng lao động; tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn. Phát triển các loại hình dịch vụ du lịch trên cơ sở khai thác các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng trong cộng đồng DTTS; đầu tư mở rộng các làng nghề truyền thống như: dệt vải, dệt chiếu của người Chăm, làm bánh của người Hoa...

Đối với các cấp chính quyền ở địa phương, cần chú trọng việc bố trí, sắp xếp nhân lực người DTTS sao cho vị trí việc làm phù hợp với năng lực cá nhân nhằm phát huy tối đa sở trường của người lao động, có cơ chế đột phá trong bố trí và sử dụng NNL trẻ người DTTS, xây dựng môi trường làm việc năng động, dân chủ nhằm phát huy những ưu điểm của người lao động DTTS.

Ba là, tiếp tục đổi mới, bổ sung và hoàn thiện chính sách đặc thù đối với công tác đào tạo, nâng cao chất lượng NNL các DTTS. Cần có sự điều chỉnh và bổ sung chính sách ưu tiên trong cử tuyển đối với học sinh người DTTS. Từng bước chuyển hình thức cử tuyển sang hình thức thi tuyển bình đẳng giữa học sinh DTTS và dân tộc đa số. Bởi vì hình thức cử tuyển đối với học sinh DTTS ở vùng sâu, vùng xa là hợp lý, nhưng áp dụng chung sẽ vô tình tạo ra một bộ phận người lao động có bằng cấp nhưng chất lượng thấp, không đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Mặt khác, khi áp dụng những chính sách ưu tiên trong cử tuyển ở đại học trở lên đối với học sinh DTTS, vô tình chúng ta đã tạo khoảng cách về trình độ, khả năng tiếp cận tri thức mới, dẫn đến tình trạng không đồng đều về năng lực giữa các học sinh trong cùng một ngành, một lớp học, gây khó khăn đối với các sinh viên người DTTS. Đồng thời, từng bước thu hẹp dần các trường phổ thông dân tộc nội trú, nâng cấp về cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo của các trường này theo hướng dần chuyển sang các trường phổ thông chất lượng cao.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững trong các hộ gia đình DTTS, đồng thời có biện pháp nâng cao thể lực, kỹ năng cho người lao động DTTS. Trên cơ sở định hướng mục tiêu phát triển sản xuất, hướng đến nâng cao chất lượng nông sản, tạo giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng nông sản là thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ. Tuyên truyền giúp đồng bào DTTS thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là lúa sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường; chuyển từ phát triển theo số lượng sang chất lượng; phát triển mạnh mẽ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho các hộ gia đình DTTS.

Khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững trong cộng đồng DTTS. Đa dạng các nguồn vốn vay ưu đãi đối với đồng bào DTTS, đồng thời hướng dẫn đồng bào sử dụng nguồn vốn vay một cách hiệu quả. Đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở nông thôn. Thực hiện tốt công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em DTTS, chăm sóc sức khỏe học đường. Tuyên truyền, giáo dục tinh thần tự khởi nghiệp

cho học sinh, sinh viên người DTTS thông qua các chương trình hướng nghiệp.

Năm là, thực hiện bình đẳng giới, đồng thời tạo động lực để mỗi người lao động DTTS tự vươn lên phát triển toàn diện năng lực cá nhân. Tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của việc thực hiện bình đẳng giới, từng bước xóa bỏ những định kiến về giới trong các hộ gia đình DTTS, tiến tới thực hiện bình đẳng giới thật sự trong cộng đồng và xã hội. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển lực lượng học sinh nữ người DTTS. Tuyên dương những tấm gương phụ nữ người DTTS tiêu biểu trong phong trào lao động, sản xuất giỏi, có thành tích trong học tập, nâng cao trình độ và có những đóng góp cho hoạt động xã hội. Khơi dậy, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các DTTS. Đối với từng cá nhân người lao động, cần đổi mới tư duy, xóa bỏ mặc cảm, tự ti, tự vượt mình để học tập và tiến bộ.

Kết luận

Tây Nam Bộ đang từng ngày đổi mới, phát triển nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. NNL có chất lượng cao, với số lượng và cơ cấu hợp lý, giàu trí tuệ, giàu ý chí và khát vọng, có lý tưởng cách mạng và kỷ luật tốt sẽ là động lực lớn, sớm đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tuy nhiên, cần thẳng thắn nhìn nhận rằng, công tác đào tạo, sử dụng và nâng cao chất lượng NNL ở Tây Nam Bộ những năm qua có nhiều chuyển biến tốt nhưng chưa được như kỳ vọng. Xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cùng với những diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19 đang có những tác động lớn đến sự tăng trưởng kinh tế của vùng Tây Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng NNL các DTTS đang đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Để có được NNL chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội gắn với yêu cầu phát triển bền vững, cần có thêm những nghiên cứu mới về hiệu quả khai thác, phát triển và sử dụng NNL các DTTS ở Tây Nam Bộ dưới góc độ xã hội học, kinh tế học, dân tộc học...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, **tập 1**.
- [2] Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám Thống kê 2020*, Nhà xuất bản Thống kê.
- [3] Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nhà xuất bản Thống kê.
- [4] Ban Tổ chức Trung ương (2019), *Báo cáo tổng hợp số lượng cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn Tây Nam Bộ*.